

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2020/DS-ST.
Ngày: 31-7-2020.
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xươngne;
2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2020/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 99/2020/QĐXXST - DS ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Chành Đ, sinh ngày 01/01/1976.

Địa chỉ: số 154/1A, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông Mai Văn S, sinh ngày 01/01/1965 và bà Nguyễn Huỳnh M, sinh ngày 01/01/1965.

Địa chỉ: số 173, tổ 9, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

(Bà Đ có mặt; Ông S và bà Mai vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2020, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Lâm Thị Chành Đ trình bày:

Bà Lâm Thị Chành Đ là hội viên có tham gia một dây hụi do ông Mai Văn S và bà Nguyễn Huỳnh M tổ chức góp hụi và làm đầu thảo. Cụ thể như sau:

Dây hụi tháng, 01 tháng khui một lần, mở vào ngày 10/6/2018 âm lịch, có 26 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng. Bà Đ tham gia 01 phần, đã đóng hụi sống được 15 kỳ với số tiền lãi và vốn cộng chung là 15.000.000 đồng. Hiện dây hụi này đã ngưng góp hụi mặc dù chưa mãn.

Nay bà Lâm Thị Chành Đ yêu cầu ông Mai Văn S và bà Nguyễn Huỳnh M cùng chịu trách nhiệm trả số tiền hụi còn nợ là 15.000.000 đồng.

Bị đơn là ông Mai Văn S và bà Nguyễn Huỳnh M vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời các bị đơn không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho các bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn là có căn cứ và đúng với quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về đánh giá chứng cứ: Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu đòi các bị đơn phải trả số tiền hụi còn nợ của dây hụi mở vào ngày 10/6/2018 âm lịch là 15.000.000 đồng.

Tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự có quy định: “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”; “.... Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó ...” và “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra những chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án”.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho các bị đơn như: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được. Trong đó, thông báo về việc thụ lý vụ án đã ghi rõ nội dung sự việc, yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía các bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không phản đối yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố. Như vậy các bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và quyền cung cấp chứng cứ của mình. Vì vậy, Hội đồng

xét xử không có cơ sở để xem xét các ý kiến và yêu cầu của các bị đơn mà đã có đủ căn cứ để xác định các lời trình bày của nguyên đơn khai là hoàn toàn hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 93, Điều 94 và Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, giữa nguyên đơn và các bị đơn đã có giao dịch về tài sản dưới hình thức góp hội với mục đích tương trợ, có hưởng huê hồng và tiền lãi được thực hiện theo quy định của pháp luật là có thật. Tuy nhiên, hiện nay đây hội mà nguyên đơn tham gia do các bị đơn làm đầu thảo đã ngưng góp hội nhưng các bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn số tiền vốn góp hội và tiền lãi hội được hưởng theo thỏa thuận là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì theo Tờ cam kết ngày 26/12/2019 bà M cam kết vào ngày 01/02/2020 âm lịch (nhằm ngày 23/02/2020) bà sẽ khai tiếp các đây hội trên, nếu không thực hiện đúng cam kết thì các hội viên có quyền lấy 03 công đất để trừ nợ nhưng bà Mai không thực hiện. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn đòi các bị đơn phải thanh toán số tiền hội còn nợ là 15.000.000 đồng là chính đáng và có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính thêm tiền lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí DSST:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên các bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 95, khoản 5 Điều 177, Điều 179, khoản 2, Điều 227, khoản 3, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ: Về họ, hội, biên, phường;

Căn cứ khoản 1, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ: Về họ, hội, biên, phường;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Lâm Thị Chành Đ.

Buộc ông Mai Văn S và bà Nguyễn Huỳnh M cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán cho bà Lâm Thị Chành Đ **15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng)** tiền nợ hụi.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà Lâm Thị Chành Đ có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Mai Văn S và bà Nguyễn Huỳnh M cùng liên đới trả số tiền lãi suất cho bà Lâm Thị Chành Đ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Mai Văn S và bà Nguyễn Huỳnh M phải liên đới chịu 750.000đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lâm Thị Chành Đ không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lâm Thị Chành Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002743 ngày 11/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách. Nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách khi án có hiệu lực.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Đương sự;
- Lưu.

TRẦN THANH BÌNH

